TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số**: 2278/**2018/QĐST-HNGĐ	*Bình Thạnh, ngày 07 tháng 11 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1917/2018/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Lê Thanh D, sinh năm 1966

Địa chỉ: 100 đường M, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Lê Thị Hồng T, sinh năm 1983

Địa chỉ: 100 đường M, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận C, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/4/2009 cho ông Lê Thanh D và bà Lê Thị Hồng T cùng lời trình bày của các bên có cơ sở xác nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Thanh D và bà Lê Thị Hồng T là hợp pháp.

Hôn nhân là việc nam nữ tự nguyện thương yêu và xây dựng hạnh phúc gia đình, trong đó cả hai cùng chung tay vun đắp cho hạnh phúc chung, tin tưởng và cùng nhau vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống. Tuy nhiên, ông D và bà T cùng xác định trong quá trình chung sống, hai bên sống hạnh phúc từ khi kết hôn đến năm 2017, từ tháng 05/2018 hai bên thường xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, không có sự tôn trọng nhau. Hai bên cùng nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông D và bà T là sự tự nguyện của các bên và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con chung:

Căn cứ vào giấy khai sinh (bản sao) số 07, quyển số 01 của trẻ Lê Thành Đ do Uỷ ban nhân dân phường 01, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/01/2010 cùng lời trình bày của ông Lê Thanh D và bà Lê Thị Hồng T có cơ sở xác nhận ông D Và bà T có 01 con chung là trẻ Lê Thành Đ, sinh ngày 25/12/2009. Ông D và bà T thỏa thuận giao con chung cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D đủ điều kiện kinh tế để nuôi con nên không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án nhận thấy sự thỏa thuận của ông D và bà T nêu trên là sự tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của trẻ Lê Thành Đ, phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để công nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Lê Thanh D và bà Lê Thị Hồng T cùng trình bày không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: ông Lê Thanh D và bà Lê Thị Hồng T phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh D và bà Lê Thị Hồng T tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là trẻ Lê Thành Đ, sinh ngày 25/12/2009 cho ông Lê Thanh D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D đủ điều kiện kinh tế nuôi con nên không yêu cầu Lê Thị Hồng T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, bà T và ông D được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Toà án: Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, Lê Thanh D và bà Lê Thị Hồng T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005555 ngày 05/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, ông D và bà T đã nộp đủ lệ phí.

Việc thi hành án được thực hiện tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- UBND Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

THẨM PHÁN

Lê Thị Đào